TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST- HNGĐ	*N, ngày 28 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Lưu Danh Sử.

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và điều 246 của BLTTDS.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 287/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bùi Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Vũ Thị Q, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Bùi Văn T và chị Vũ Thị Q có 03 con chung là các cháu:

- Bùi Thanh H, sinh năm 1993.

- Bùi Thu T, sinh năm 1996.

- Bùi Thị Kim N, sinh ngày 27/9/2002.

Anh Bùi Văn T được trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Thị Kim N, sinh ngày 27/9/2002, hiện nay đang ở với anh T. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T.

Sau khi ly hôn chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp chị Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của chị Q.

2.2. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 300.000đ, được đối trừ vào số tiền tạm ứng phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu số 0000654 ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HÀ MINH LỰC